

Phụ lục 42**BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ VĨNH HÒA HƯNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	Quốc lộ 60		
	- Từ giáp ranh xã Gò Quao - Cầu Vĩnh Hòa 1	1.476	
	- Từ cầu Vĩnh Hòa 1 - Đường vào cụm dân cư vượt lũ	1.848	
	- Từ đường vào cụm dân cư vượt lũ - Cầu Cái Tur	1.932	
	- Từ bến phà cũ - Đường dẫn cầu Cái Tur	1.416	
2	Đường Gò Quao - Vĩnh Hòa Hưng (phía lộ nhựa)		
	- Từ giáp ranh xã Gò Quao - Vàm kênh mới	468	
3	Trung tâm chợ Cái Tur		
	- Lô 1 chợ Cái Tur (tính theo quy hoạch)	2.376	
	- Lô 2 chợ Cái Tur (tính theo quy hoạch)	2.112	
	- Lô 3 chợ Cái Tur (tính theo quy hoạch)	1.848	
	- Lô 4 chợ Cái Tur (tính theo quy hoạch)	1.320	
4	Đường số 26 cặp sông cái - Tiệm sửa máy ông Út (khu chợ cũ)	792	
5	Tuyến cặp sông Cái Tur (từ cầu Cái Tur đến nhà ông Bảy Cát - Kênh Bốn Thước)	528	
6	Từ vàm kênh Ông Ký - Vàm kênh Năm Lương	528	
7	Từ vàm kênh Năm Lương - Đường tỉnh ĐT 963D	396	
8	Từ cầu Kênh Mười Đón - Quán Mỹ Tiến - Chợ Cái Tur	440	
9	Từ trụ sở ấp Tạ Quang Tỹ - Hết ranh đất ông Cường (đối diện chợ Cái Tur)	660	
10	Từ ranh đất nhà ông Cường - giáp ranh xã Gò Quao (đối diện chợ cái Tur)	528	
11	Từ cầu Tài Phú - nhà ông Bạc (đối diện chợ Cái Tur)	528	
12	Từ Xẻo Giá - Kênh Năm Dần	396	
13	Tuyến ven sông Ba Voi - xã Hòa Thuận	480	
14	Tuyến đường vào cầu Tài Phú	1.200	Bổ sung

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
15	Từ khu vượt lũ số 1 - Giáp kênh Bà Chủ (từ đầu cầu Sắt Định An - Vĩnh Hòa Hưng Bắc nối dài đến kênh Bà Chủ)	1.056	
16	Hai dãy đối diện chợ và nhà lồng chợ hiện hữu (từ giáp lộ Định An, Vĩnh Hòa Hưng Bắc nối dài - đê bao Ô Môn - Xà No)	1.056	
17	Phía Bắc đê bao (từ khu vượt lũ Số 1 nối liền đê bao - Đất chỉnh trang quy hoạch chợ)	600	
18	Phía Nam đê bao Ô Môn - Xà No (từ khu vượt lũ Số 1 - Kênh Bà Chủ: Phía nhà ông Võ Minh Chánh)	600	
19	Đê bao Ô Môn - Xà No (đoạn từ kênh Bà Chủ - Kênh Ba Hồ)	600	
20	Từ kênh Ba Hồ (phía Bắc đê bao Ô Môn - xà No) đến cuối đường Định An - Vĩnh Hòa Hưng Bắc nối dài	396	
21	Từ kênh Ba Hồ - Giáp ranh xã Hòa Thuận (phía Nam đê bao Ô Môn - Xà No)	396	
22	Từ kênh ông Bồi đến cầu Ba Voi	396	
23	Tuyến đường khu căn cứ tỉnh ủy: từ trạm y tế xã Vĩnh Hòa Hưng - giáp ranh xã Hòa Thuận	396	
24	Tuyến đường Kênh 4 thước (phía giáp ấp 3, ấp 4)	336	
25	Tuyến lộ Bờ dứa (từ giáp Quốc lộ 61 - Cầu 2 Khải)	700	Bổ sung
26	Tuyến lộ Bờ dứa (Cầu 2 Khải - Sông Cái Lớn)	500	Bổ sung
27	Tuyến đường vào CCN Cái Tư	1.700	Bổ sung
28	Tuyến đường Rạch Rùa - Kênh Xáng Ô Môn	600	Bổ sung
29	Đường xuống bến phà Chín Nhung	1.030	Bổ sung
30	Tuyến Bốn Thước - Sông Ba Voi	720	Bổ sung
31	Khu dân cư vượt lũ (cụm bờ dứa)		
	- Đường Số 01	660	
	- Các nền góc đường Số 01	760	
	- Đường Số 02	600	
	- Các nền góc đường Số 02	690	
	- Đường Số 3,4,5,6,7,8	540	
	- Các nền góc đường Số 3,4,5,6,7,8	622	
32	Khu dân cư vượt lũ (cụm Ba Voi - giáp xã Vị Tân, Hậu Giang)		
	- Các nền chính sách Lô L1, L2, L3, L4, L5, L6, L7, L8, L9	480	
	- Các nền góc nền chính sách thuộc lô L1, L2, L3, L4, L5, L6, L7, L8, L9	552	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
	- Nền sinh lợi lô L5: Nền 19	1.656	
	- Các nền sinh lợi thuộc lô L4: Nền số 2,3,15,16; lô L5: Nền số 2,3; lô L6: Nền số 7 và số 8.	1.800	
	- Các nền sinh lợi thuộc lô L1: Nền số 1 và nền số 2; lô L2: Nền số 2,3,4,5; lô L3: Nền số 1,2,3,4; lô L4: Nền số 1 và số 17; lô L5: Nền số 1,4,5,6,7.	2.160	
	- Các nền sinh lợi thuộc lô L4: Nền số 7; lô L5: Nền số 15	2.304	
	- Các nền sinh lợi thuộc lô L3: Nền 05 đến 20, nền 22,23; lô L4: Nền 5,6,8 đến 13; lô L5: Nền 08 đến 12,14,16,17; lô L6: Nền 2,3,4,5; lô L8: Nền 02 đến 14, nền 16-28; lô L9: Nền 01 đến 07, 10 đến 14.	2.376	
	- Các nền sinh lợi thuộc lô L1: Nền 03; lô L2: Nền 01, 06; lô L3: Nền 24	2.592	
	- Các nền thuộc lô L3: 21; lô L4: nền 04,14; lô L5: Nền 13,18; lô L6: Nền 01,06; lô L8: Nền 01,15,29; lô L9: Nền 08, 09	2.856	
33	Các cụm Khu dân cư vượt lũ 1		
	- Đường Số 2 (tính từ lộ giáp nhà ông Đoàn Văn Mỏng - Nhà Huỳnh Hoàng Vẽ)	960	
	- Đường Số 3 (tính từ cầu Sắt đến đê bao Ô Môn - Xà No)	960	
	- Các đường còn lại: Gồm đường Số 1, Số 4, Số 5, Số 6, Số 7, Số 8, Số 9 và Số 10	480	
	- Các nền góc của từng ngã tuyến đường: Gồm đường Số 1, Số 4, Số 5, Số 6, Số 7, Số 8, Số 9 và Số 10	552	
34	Các cụm Khu dân cư vượt lũ 2		
	- Đường A	480	
	- Đường B	360	
	- Đường C	480	
	- Các đường còn lại: Gồm tuyến đường Số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.	360	
	- Các nền góc của từng ngã đường gồm: Đường A, B, C và các đường Số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.	414	
35	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	317	Bổ sung
36	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	290	Bổ sung
37	Các tuyến đường còn lại	264	Bổ sung
33	Các cụm Khu dân cư vượt lũ 1		
	- Đường Số 2 (tính từ lộ giáp nhà ông Đoàn Văn Mỏng - Nhà Huỳnh Hoàng Vẽ)	960	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
	- Đường Số 3 (tính từ cầu Sắt đến đê bao Ô Môn - Xà No)	960	
	- Các đường còn lại: Gồm đường Số 1, Số 4, Số 5, Số 6, Số 7, Số 8, Số 9 và Số 10	480	
	- Các nền góc của từng ngã tuyến đường: Gồm đường Số 1, Số 4, Số 5, Số 6, Số 7, Số 8, Số 9 và Số 10	552	
34	Các cụm Khu dân cư vượt lũ 2		
	- Đường A	480	
	- Đường B	360	
	- Đường C	480	
	- Các đường còn lại: Gồm tuyến đường Số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.	360	
	- Các nền góc của từng ngã đường gồm: Đường A, B, C và các đường Số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.	414	
35	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	317	Bổ sung
36	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	290	Bổ sung
37	Các tuyến đường còn lại	264	Bổ sung

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
I	Khu vực: Ấp 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, ấp VH1, VH2, VH3, VH4, ấp TQT				
1	Đất trồng cây lâu năm	53	50	48	
2	Đất trồng hàng năm	48	44	42	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	42	40	37	
II	Khu vực: Ấp 1A, 2A, 3A, 4A, 5A, 6A, 7A, 8, 9, 10, 11				
1	Đất trồng cây lâu năm	50	48	44	
2	Đất trồng hàng năm	44	42	40	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	42	40	37	